

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **105** /2019/DS-PT

Ngày: 12 - 4 - 2019

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng mua bán tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em**

Ông **Mai Hoàng Khải**

Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Hoàng Phương** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Lê Thị Thắm** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 08 và ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2019/TLPT – DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 153/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐ - PT ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Tuyết M**, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1962; (có mặt)

2.2. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1972; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.2. Ông **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.3. Anh **Nguyễn Song H**, sinh năm 1994; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.4. Ông **Võ Văn L**, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.5. Ông **Đình Phương B**, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bị đơn **Lê Thị H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn bà **Trần Thị Tuyết M** trình bày:

Bà M chuyên thu mua lúa của nhà vườn về bán lại cho bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn N. Bà M với bà H, ông N bắt đầu mua bán lúa từ cuối tháng 4/2017 đến ngày 10/5/2017. Sau mua bán thì bà H, ông N còn nợ bà các khoản tiền sau: Lúa loại trung vụ 9.730.000 đồng, 15 bao lúa (778kg) loại 5451 là 3.851.000 đồng, lúa loại 6976 mua ngày 25/3/2017 là 7.364.000 đồng. Tại phiên tòa xét xử ngày 15/01/2017 bà H thừa nhận có nợ số tiền này nhưng bà H không chịu trả, bà H trình bày bà đã gửi lại cho bà M 05 tấn lúa và bà sẽ cung cấp chứng cứ sau nên bà M tách phần nợ lúa này ra để khởi kiện sau.

Ngoài ra, bà H, ông N còn nợ bà M các khoản tiền sau: Tiền thuê xe chở 630 bao lúa (32.146 kg) loại 5451 là 5.786.000 đồng, tiền thuê xe và tiền bốc vác 7.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ là 33.731.000 đồng. Bà M yêu cầu tính lãi của số tiền 33.731.000 đồng x 0,75%/tháng x 10 tháng = 2.529.825 đồng và tiền lãi của số nợ 381.447.000 đồng mà Tòa án đã xét xử ngày 15/01/2018 là 381.447.000 đồng x 0,75% x 8 tháng = 22.886.820 đồng. Tổng lãi 02 khoản tiền này là 25.416.645 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn N trả số tiền gốc 33.731.000 đồng và tiền lãi 25.416.645 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà **Lê Thị H** trình bày:

Đối với tiền nợ lúa: Lúa loại trung vụ 9.730.000 đồng, 15 bao lúa (778kg) loại 5451 là 3.851.000 đồng, lúa loại 6976 mua ngày 25/3/2017 là 7.364.000 đồng thì bà H đã trả rồi. Bà H thừa nhận còn nợ bà M tiền thuê xe chở 630 bao lúa loại 5451 là 5.786.000 đồng và nợ bà M tiền mượn mua dầu chưa trả là 2.000.000 đồng. Đối với tiền thuê xe và tiền bốc vác 7.000.000 đồng đây là tiền huê hồng, khi mua lúa của nhà vườn, bà M bỏ cọc bán lại cho bà. Một tấn lúa bà M hưởng 100.000 đồng. Khi tính tiền lúa bà M đã tính luôn khoản tiền này, bà đã trả xong.

Bà đồng ý trả cho bà M số tiền 7.786.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

* Bị đơn ông **Nguyễn Văn N**: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, tờ tự khai và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, thông báo hòa giải, thông báo cung cấp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn N không có tự khai trình bày ý kiến.

* Người làm chứng:

- Tại đơn xin xác nhận ngày 08/12/2017, anh **Nguyễn Song H**, ông **Nguyễn Văn P**, ông **Võ Văn L**, ông **Nguyễn Chí T** trình bày: Vào ngày 21/4/2017, anh H và các ông P, ông L, ông T được bà M giới thiệu khuôn vác, chở lúa thuê cho bà H. Bà M và bà H thỏa thuận để bà M trả tiền công cho anh H và các ông P, ông L, ông T rồi bà H sẽ trả lại cho bà M. Bà M đã trả tiền công cho anh H 1.700.000 đồng, ông P 1.500.000 đồng, ông L 1.700.000 đồng và ông T 2.000.000 đồng.

- Tại đơn ngày 10/9/2018, ông **Đình Phương B** trình bày: Ngày 05/3/2017 bà Lê Thị H có mua của bà Trần Thị Tuyết M 48.800kg lúa. Nhưng sau đó, do lúa không đúng chất lượng như hai bên thỏa thuận vì lúa bị ẩm, mốc nên bà H đã trả lại cho bà M số lượng lúa 3.160kg. Ông là người bốc vác và chất trả số lúa này. Nay ông làm đơn này xác nhận việc bà Lê Thị H có trả cho bà Trần Thị Tuyết M số lượng lúa bị ẩm mốc là 3.160 kg tại ấp 1, xã 1, Huyện Đ, tỉnh Long An.

Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết M.

Buộc bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho Trần Thị Tuyết M số tiền 41.262.315 đồng (Bốn mươi một triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm mười lăm đồng), trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thực hiện trả tiền, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 20 tháng 11 năm 2018, bị đơn Lê Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc giải quyết bao gồm: Bà H chỉ đồng ý trả cho bà Trần Thị Tuyết M số tiền 13.836.000 đồng vì số tiền còn lại bà H không có nợ bà M và do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị H không đồng ý trả tiền lãi, chỉ đồng ý trả tiền lúa trong vụ còn thiếu là 9.730.000 đồng, tiền xe chở 630 bao lúa loại 5451 là 5.786.000 đồng, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn xin trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng.

Bà Trần Thị Tuyết M tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với việc tính tiền lãi suất của số tiền 381.447.000 đồng của bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C và bản án phúc thẩm số 192/2018/DS-PT ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, không đồng ý việc trả dần hàng tháng của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị Tuyết M tự nguyện rút một phần yêu cầu đối với số tiền lãi của số tiền 381.447.000 đồng cần ghi nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy một phần bản án và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N, bà H liên đới trả cho bà M số tiền 22.416.000 đồng, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn xin trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về tố tụng: Người làm chứng Nguyễn Văn P, Nguyễn Chí T, Nguyễn Song H, Võ Văn L, Đinh Phương B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 229 xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H, thấy rằng: Giữa bà Trần Thị Tuyết M và ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị H có việc giao dịch mua bán, bắt đầu mua bán từ tháng 4 năm 2017 đến ngày 10/5/2017 đối với tiền lúa trung vụ, bà M bán cho bà H, ông N 386 bao = 20.987kg già mỗi kg là 5.050 đồng thành tiền là 105.954.000 đồng, cộng tiền xe là 3.776.000 đồng, bà H, ông N trả cho bà M số tiền 100.000.000 đồng, bà H, ông N còn thiếu lại số tiền 9.730.000 đồng. Trong quá trình mua bán bà M và bà H, ông N có thỏa thuận bà M trả tiền công khâu vác, chở lúa thuê rồi bà H trả lại cho bà M, bà M trả số tiền 6.900.000 đồng, tiền chở 630 bao lúa loại 5451 với số tiền 5.786.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H đồng ý trả cho bà M số tiền lúa trung vụ còn thiếu là 9.730.000 đồng, tiền thuê xe chở 630 bao lúa loại 5451 với số tiền 5.786.000 đồng yêu cầu được trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng. Phía bà M rút lại yêu cầu tính tiền lãi suất của số tiền lúa bà H, ông N còn thiếu 381.447.000 đồng của bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 15/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện C và bản án phúc thẩm số 192/2018/DS-PT ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Xét thấy việc rút yêu cầu này của bà M trên cơ sở tự nguyện nên cần ghi nhận. Án sơ thẩm tuyên buộc bà H, ông N có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 41.262.315 đồng, tại phiên tòa bà M rút lại yêu cầu tính tiền lãi nên trừ đi

số tiền lãi đã tính là 17.165.155 đồng. Do vậy, bà H và ông N còn phải trả cho bà M số tiền 24.097.200 đồng. Bà M không đồng ý yêu cầu trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng của bà H. Do đó yêu cầu này không được chấp nhận.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử hủy một phần bản án số 153/2018/DS-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, đình chỉ đối với yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 381.447.000 đồng, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn N phải chịu 1.204.860 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có một phần phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 3 Điều 229, điểm b khoản 1 Điều 299, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H. Hủy một phần bản án số 153/2018/DS-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết M.

Đình chỉ yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 381.447.000 đồng tại bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C và bản án phúc thẩm số 192/2018/DS-PT ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Buộc bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Tuyết M số tiền 24.097.200 đồng. Thực hiện việc trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn N phải chịu 1.204.860 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng theo biên lai thu số 16101 ngày 20/11/2018

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên được cản trừ; ông N, bà H còn phải nộp tiếp 904.860 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Tuyết M phải chịu 894.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền 1.479.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15311 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên được hoàn cho bà M số tiền 585.000 đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 12/4/2019 vắng mặt các đương sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sâm Hương

